

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017



Tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 32
PHỤ LỤC CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	33

11 * M.S.D.N.

11/11/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Vương Đỗ Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/07/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018





Số: 211/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/04/2018, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày đầu năm và cuối năm, một số khoản công nợ phải thu của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Theo đó, số dư khoản nợ phải thu khách hàng tại thời điểm đầu năm chưa xác nhận được là 4,4 tỷ đồng; tại ngày cuối kỳ là 2,2 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này tại ngày đầu năm và cuối năm.

Tại ngày cuối kỳ, Công ty có một số khoản tạm ứng, phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng lâu, chưa được xử lý với số tiền lần lượt là 0,95 tỷ đồng, 2,2 tỷ đồng và 0,3 tỷ đồng. Công ty chưa xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này và xử lý theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		404.388.306.928	408.423.583.041
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.660.526.247	2.580.060.828
1. Tiền	111		4.660.526.247	2.580.060.828
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	315.025.845.443	329.135.901.185
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		315.025.845.443	329.135.901.185
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.645.485.850	66.586.367.099
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.359.736.911	4.691.991.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.318.770.579	855.300.803
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	58.986.749.360	61.039.074.366
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.771.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.538.164.278	6.846.294.803
1. Hàng tồn kho	141		3.538.164.278	6.846.294.803
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.518.285.110	3.274.959.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	-	13.054.842
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.937.533.439	3.261.904.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	4.580.751.671	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		400.650.073.798	410.840.032.566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.201.709.232	8.149.825.035
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	7.874.847.234	6.822.963.037
II. Tài sản cố định	220		34.595.210.270	37.627.812.322
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	34.515.931.016	37.495.540.798
- Nguyên giá	222		71.207.834.605	71.207.834.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.691.903.589)	(33.712.293.807)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	79.279.254	132.271.524
- Nguyên giá	228		632.191.000	632.191.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(552.911.746)	(499.919.476)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	996.340.272	996.340.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		996.340.272	996.340.272
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	332.458.825.176	334.616.896.650
1. Đầu tư vào công ty con	251		132.757.019.388	132.757.019.388
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		122.529.081.902	122.529.081.902
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.330.795.360	79.330.795.360
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.158.071.474)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.397.988.848	29.449.158.287
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	22.768.537.478	28.813.467.022
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		629.451.370	635.691.265
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		805.038.380.726	819.263.615.607

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.557.310.969	50.262.713.852
I. Nợ ngắn hạn	310		24.316.200.182	34.750.073.065
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.923.836.020	14.643.111.058
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		489.239.997	286.159.609
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	30.934.156	7.187.011.158
4. Phải trả người lao động	314		948.943.461	380.840.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.611.777.044	4.647.547.338
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.417.122.282	1.251.805.791
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.894.347.222	6.353.598.057
II. Nợ dài hạn	330		15.241.110.787	15.512.640.787
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	15.241.110.787	15.512.640.787
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		765.481.069.757	769.000.901.755
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	765.481.069.757	769.000.901.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		769.000.000.000	769.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		901.755	901.755
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.519.831.998)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.519.831.998)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		805.038.380.726	819.263.615.607



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123.459.562.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.007.047.672
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	122.452.515.123
4. Giá vốn hàng bán	11	22	120.830.261.643
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.622.253.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	15.792.484.879
7. Chi phí tài chính	22	24	2.158.071.474
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	25	25	7.946.306.691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.393.356.557
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.082.996.363)
11. Thu nhập khác	31	27	521.771.989
12. Chi phí khác	32	28	960.201.356
13. Lỗ từ hoạt động kinh doanh khác (40 = 31 - 32)	40		(438.429.367)
14. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.521.425.730)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(1.593.732)
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(3.519.831.998)



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	121.205.524.773
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(116.772.548.195)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.155.942.794)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.593.732)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.334.661.113
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.757.845.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.147.743.983)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	134.010.055.742
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(119.900.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.118.153.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.228.209.402
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.080.465.419
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.580.060.828
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.660.526.247



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính:

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vĩ Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các công ty con:

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Trảng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp lập cho kỳ này bắt đầu từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 là kỳ đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo tài chính văn phòng và báo cáo Nhà máy nước tinh khiết Opal và loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 phân bổ trong vòng 10 năm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 68.968.401.396 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	341.465.188	295.400.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.319.061.059	2.284.660.828
Các khoản tương đương tiền (i)	9.000.000.000	-
	<u>13.660.526.247</u>	<u>2.580.060.828</u>

Ghi chú: (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngân hạn	315.025.845.443	315.025.845.443	329.135.901.185	329.135.901.185
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	315.025.845.443	315.025.845.443	329.135.901.185	329.135.901.185

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09A-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc (i) VND	Giá trị số sách (ii) VND	Giá gốc (i) VND	Giá trị số sách (ii) VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	131.169.900.000	(2.158.071.474)	131.169.900.000	-
Công ty CP Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	8.925.000.000	- (*)	8.925.000.000	22.750.513.031
Công ty CP Tràng An	11.491.000.000	- (*)	11.491.000.000	52.136.859.827
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	18.603.900.000	- (*)	18.603.900.000	23.591.020.260
Công ty CP Rượu Quốc tế	92.150.000.000	(2.158.071.474) (*)	92.150.000.000	34.278.626.270
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	114.275.600.000	122.529.081.902	114.275.600.000	122.529.081.902
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	5.572.000.000	7.970.798.009 (*)	5.572.000.000	7.970.798.009
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	- (*)	3.540.000.000	-
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	85.312.418.781 (*)	80.000.000.000	85.312.418.781
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	29.245.865.112 (*)	25.163.600.000	29.245.865.112
- Đầu tư vào đơn vị khác	55.380.500.000	79.330.795.360	55.380.500.000	79.330.795.360
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	4.427.249.874 (*)	4.116.500.000	4.427.249.874
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	60.894.782.516 (*)	37.264.000.000	60.894.782.516
Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội	14.000.000.000	14.008.762.970 (*)	14.000.000.000	14.008.762.970
Cộng	300.826.000.000	334.616.896.650	300.826.000.000	334.616.896.650

Ghi chú:

(i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm cổ phần hóa.

(ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu ban giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con/ công ty liên doanh/ công ty liên kết trong kỳ:

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017, các công ty hoạt động có lãi, ngoại trừ Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội chưa kiểm toán. Các báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế, Công ty Cổ phần Tráng An, Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà, Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội, Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội và Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

c) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
<i>Đầu tư vào công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tráng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, sô cô la và mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liên, Tp. Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	9.215.000	68,44%	68,44%	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.359.736.911	4.691.991.930
Công ty Cổ phần Nhất Nam	772.664.033	665.019.450
Công ty Cổ phần siêu thị VinMart	299.679.623	302.021.652
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	255.237.803
CN số 3 Hà Nội - Công ty CP Cửa Hiệu và Sức Sống	212.269.893	215.824.485
Nhà máy Bia Đông Nam Á	164.253.835	164.253.835
Các đối tượng khác	2.655.631.724	3.089.634.705
Nhà máy nước tinh khiết Opal	-	-
CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	-	-
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	86.249.005	33.487.008
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	6.343.986	6.343.986
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	15.480.036	15.480.036
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	3.552.989	2.887.993
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	56.522.000	4.250.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	4.349.994	4.524.993

Tại ngày cuối năm, Công ty có một số khoản phải thu khách hàng tồn đọng lâu, chưa được xử lý với số tiền là 2.221.752.644 VND.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu kỳ VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.318.770.579	855.300.803
Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội	294.492.000	734.676.000
Các đối tượng khác	1.024.278.579	120.624.803
b) Trả trước cho người bán dài hạn	1.326.861.998	1.326.861.998
Công ty CP Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Các đối tượng khác	296.225.000	296.225.000

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	58.986.749.360	-	61.039.074.366	-
Phải thu về cổ tức và LN được chia	3.191.610.000	-	6.002.275.675	-
Tạm ứng (iv)	1.144.462.839	-	1.431.398.848	-
Lãi dự thu	9.208.983.622	-	6.341.980.093	-
Phải thu khác	45.441.692.899	-	47.263.419.750	-
- Dự án 87 Lĩnh Nam (i)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
- CTCP Xây dựng và Kỹ thuật VN (ii)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Các đối tượng khác (iv)	441.692.899	-	2.263.419.750	-
b) Phải thu khác dài hạn	7.874.847.234	-	6.822.963.037	-
CTCP Thăng Long - Đông Anh (iii)	7.874.847.234	-	6.822.963.037	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014;
- (ii) Khoản hỗ trợ Công ty được hưởng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 127/2008/HTKD ngày 20/05/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam;
- (iii) Khoản tiền thuê đất và thuế đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/07/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh” và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016, Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.
- (iv) Bao gồm một số khoản tạm ứng và phải thu các đối tượng khác tồn đọng lâu, chưa được xử lý với số tiền lần lượt là 905.657.851 VND và 309.603.491 VND.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	256.816.763	-	3.942.212.089	-
Công cụ, dụng cụ	1.767.374.876	-	1.769.178.937	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.624.478	-	3.009.489	-
Thành phẩm	22.418.492	-	24.715.204	-
Hàng hoá	1.079.400.618	-	713.265.372	-
Hàng gửi đi bán	407.529.051	-	393.913.712	-
	3.538.164.278	-	6.846.294.803	-

Tại ngày cuối năm, Công ty có một lượng bia và nước Opal gửi bán đã tồn từ lâu với tổng số tiền là 342.495.710 VND.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	27.383.552.053	35.511.243.185	5.325.000.636	2.988.038.731	71.207.834.605
Số dư cuối năm	27.383.552.053	35.511.243.185	5.325.000.636	2.988.038.731	71.207.834.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	8.969.756.381	20.058.357.722	2.911.864.452	1.772.315.252	33.712.293.807
Khấu hao trong kỳ	699.683.448	1.636.150.686	492.024.812	151.750.836	2.979.609.782
Số dư cuối năm	9.669.439.829	21.694.508.408	3.403.889.264	1.924.066.088	36.691.903.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	18.413.795.672	15.452.885.463	2.413.136.184	1.215.723.479	37.495.540.798
Số dư cuối năm	17.714.112.224	13.816.734.777	1.921.111.372	1.063.972.643	34.515.931.016

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.654.185.448 VND (ngày 01 tháng 07 năm 2017: 814.694.448 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	632.191.000	632.191.000
Số dư cuối năm	632.191.000	632.191.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu kỳ	499.919.476	499.919.476
Khấu hao trong kỳ	52.992.270	52.992.270
Số dư cuối năm	552.911.746	552.911.746
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	132.271.524	132.271.524
Số dư cuối năm	79.279.254	79.279.254

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	639.681.818	639.681.818
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	106.272.727	106.272.727
Dự án cải tạo, nâng tầng nhà Văn phòng 254 Minh Khai	250.385.727	250.385.727
	996.340.272	996.340.272

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	13.054.842
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	2.970.236
Chi phí sửa chữa	-	10.084.606
b) Dài hạn	22.768.537.478	28.813.467.022
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.719.735.730	10.993.908.192
Chi phí sửa chữa	69.278.862	68.897.046
Lợi thế kinh doanh (i)	16.107.368.494	16.955.124.730
Giá trị quyền sử dụng đất	584.083.322	597.666.656
Chi phí trả trước dài hạn khác	288.071.070	197.870.398

Ghi chú: (i) Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.923.836.020	12.923.836.020	14.643.111.058	14.643.111.058
Công ty Cổ phần Bía và NGK Việt Hà	11.481.870.921	11.481.870.921	6.541.997.595	6.541.997.595
Guangzhou Malting Co., Ltd	-	-	3.563.960.400	3.563.960.400
Công ty Cổ phần CN-DV-TM Ngọc Nghĩa	-	-	2.295.200.600	2.295.200.600
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	229.217.439	229.217.439	729.618.853	729.618.853
Các đối tượng khác	1.212.747.660	1.212.747.660	1.512.333.610	1.512.333.610
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	11.711.088.360	11.711.088.360	7.271.616.448	7.271.616.448
Công ty Cổ phần Bía và NGK Việt Hà	11.481.870.921	11.481.870.921	6.541.997.595	6.541.997.595
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	229.217.439	229.217.439	729.618.853	729.618.853

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	21.552.325	973.052.115	975.619.532	18.984.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.732	-	1.593.732	-
Thuế thu nhập cá nhân	307.323.207	556.721.382	852.464.461	11.580.128
Thuế tài nguyên	652.320	3.026.880	3.310.080	369.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.585.383	621.016.209	641.601.592	-
Các loại thuế khác	6.835.304.191	122.146.643	6.957.450.834	-
	7.187.011.158	2.275.963.229	9.432.040.231	30.934.156
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.593.732	1.593.732
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	3.819.144.367	3.819.144.367
Các loại thuế khác	-	-	760.013.572	760.013.572
Cộng	-	-	4.580.751.671	4.580.751.671

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	2.611.777.044	4.647.547.338
Trích trước tiền thuê nhà	1.062.403.636	1.462.570.909
Trích trước chi phí vận chuyển	136.870.768	1.394.476.755
Lãi tài khoản phong tỏa	490.618.633	490.618.633
Chi phí thuế Keg	-	147.814.784
Chi phí phải trả khác	921.884.007	1.152.066.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.417.122.282	1.251.805.791
Kinh phí công đoàn	67.559.892	58.458.001
Bảo hiểm xã hội	31.540.335	35.082.506
Bảo hiểm y tế	6.209.656	14.739.930
Bảo hiểm thất nghiệp	2.740.182	2.993.005
Phải trả về cổ phần hoá	208.129.854	208.129.854
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.070.942.363	902.402.495
- Phải trả chi phí trích trước Dự án 87 Lĩnh Nam	245.875.495	694.253.995
- Các đối tượng khác	825.066.868	208.148.500
b) Dài hạn	15.241.110.787	15.512.640.787
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.441.110.787	10.712.640.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (i)	4.800.000.000	4.800.000.000

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	599.132.159.400	-	-	-	5.388.011.982	604.520.171.382
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế ngày 29/12/2017	(8.940.800)	-	-	-	(22.301.966)	(31.242.766)
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	599.123.218.600	-	-	-	5.365.710.016	604.488.928.616
Tăng vốn trong năm	164.636.408.622	901.755	11.993.614.104	-	-	176.630.924.481
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế ngày 29/12/2017	(338.625.037)	-	-	(548.271.514)	(60.155.370)	(947.051.921)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.763.170.826	(10.000.742.240)	(5.237.571.414)
Nộp lợi nhuận sau phân phối	-	-	-	-	(5.876.493.847)	(5.876.493.847)
Kết chuyển tăng vốn Nhà nước	6.469.627.669	-	(11.993.614.104)	(4.214.899.312)	7.990.969.551	(1.747.916.196)
Phải nộp Ngân sách	(890.629.854)	-	-	-	-	(890.629.854)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.580.711.890	2.580.711.890
Số dư đầu kỳ này	769.000.000.000	901.755	-	-	-	769.000.901.755
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(3.519.831.998)	(3.519.831.998)
Số dư cuối năm	769.000.000.000	901.755	-	-	(3.519.831.998)	765.481.069.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	392.502.000.000
Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần	277.580.890.000	277.580.890.000
Các đối tượng khác	98.917.110.000	98.917.110.000
Cộng	769.000.000.000	769.000.000.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.783,22	6.785,97

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/07/2017</u>
	<u>đến 31/12/2017</u>
	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.459.562.795
Trong đó:	
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	99.757.937.168
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.701.625.627
	123.459.562.795
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	13.742.408.030
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	305.820.000
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	62.908.827
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	13.367.242.873
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	6.436.330
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.007.047.672)
Trong đó:	
- Chiết khấu thương mại	(1.007.047.672)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.452.515.123

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	<u>Từ 01/07/2017</u>
	<u>đến 31/12/2017</u>
	VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.830.261.643
	120.830.261.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.247.820.735
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.506.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.531.579
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.732.565
	15.792.484.879

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.158.071.474
	2.158.071.474

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	
Chi phí nhân viên	2.023.110.623
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.812.835.038
Chi phí khấu hao TSCĐ	200.057.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.006.742
Chi phí khác bằng tiền	2.506.296.468
Cộng	7.946.306.691
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	
Chi phí nhân viên	5.314.755.377
Chi phí đồ dùng văn phòng	412.927.515
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.051.358.666
Thuế, phí và lệ phí	41.604.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.793.166
Dự phòng phải thu khó đòi	19.771.000
Chi phí bằng tiền khác	2.505.145.953
Cộng	10.393.356.557

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.284.397.132
Chi phí nhân công	9.243.260.416
Chi phí dự phòng	19.771.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.248.148.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.885.857.259
Chi phí khác bằng tiền	5.305.148.928
	49.986.583.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
	VND
Thu nhập từ cho thuê tài sản	120.000.000
Thu nhập khác	401.771.989
	521.771.989

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
	VND
Các khoản bị phạt	122.146.643
Khấu hao TSCĐ	784.453.602
Chi phí khác	53.601.111
	960.201.356

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
	VND
Lợi nhuận trước thuế	(3.521.425.730)
Điều chỉnh cổ phần hóa	(7.990.969.551)
Tiền chậm nộp thuế đất được miễn giảm	(354.459.848)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.441.399.755)
Cộng: Chi phí không được trừ	1.065.000.245
<i>Thu lao HĐQT không chuyên trách</i>	158.400.000
<i>Khấu hao TSCĐ dùng sản xuất</i>	784.453.602
<i>Các khoản truy thu, chậm nộp thuế</i>	122.146.643
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.506.400.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	4.506.400.000
Thu nhập chịu thuế	(15.308.254.884)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Nhà máy Opal	(1.593.732)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.593.732)

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 1.065.000.245 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	68.968.401.396	53.668.115.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ (Tiếp theo)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2017 để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
2014	2015 - 2019	23.813.047.807	-	23.813.047.807
2015	2016 - 2020	4.962.644.464	-	4.962.644.464
2016	2017 - 2021	17.133.730.042	-	17.133.730.042
2017	2018 - 2022	23.058.979.083	-	23.058.979.083
Cộng		68.968.401.396	-	68.968.401.396

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.660.526.247)	(2.580.060.828)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	765.481.069.757	769.000.901.755
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.660.526.247	2.580.060.828
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.057.099.666	71.122.630.485
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	329.135.901.185
Đầu tư tài chính dài hạn	332.458.825.176	334.616.896.650
Tổng cộng	731.202.296.532	737.455.489.148
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	29.582.069.089	31.407.557.636
Chi phí phải trả	2.611.777.044	4.647.547.338
Tổng cộng	32.193.846.133	36.055.104.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.660.526.247	-	13.660.526.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.182.252.432	7.874.847.234	70.057.099.666
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	-	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	-	332.458.825.176	332.458.825.176
Tổng cộng	390.868.624.122	340.333.672.410	731.202.296.532
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.340.958.302	15.241.110.787	29.582.069.089
Chi phí phải trả	2.611.777.044	-	2.611.777.044
Tổng cộng	16.952.735.346	15.241.110.787	32.193.846.133
Chênh lệch thanh khoản thuần	373.915.888.776	325.092.561.623	699.008.450.399
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.580.060.828	-	2.580.060.828
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.299.667.448	6.822.963.037	71.122.630.485
Đầu tư tài chính ngắn hạn	329.135.901.185	-	329.135.901.185
Đầu tư tài chính dài hạn	-	334.616.896.650	334.616.896.650
Tổng cộng	396.015.629.461	341.439.859.687	737.455.489.148
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.894.916.849	15.512.640.787	31.407.557.636
Chi phí phải trả	4.647.547.338	-	4.647.547.338
Tổng cộng	20.542.464.187	15.512.640.787	36.055.104.974
Chênh lệch thanh khoản thuần	375.473.165.274	325.927.218.900	701.400.384.174

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31/12/2017 ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

32. THÔNG TIN KHÁC

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Tràng An	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Ngoài giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 21 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/07/2017 đến</u> <u>31/12/2017</u> VND
Mua Hàng	98.619.470.163
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	19.636.290
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	1.209.554.159
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	97.390.279.714
Cổ tức	4.506.400.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	2.516.360.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	390.040.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	1.600.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ngoài khoản phải thu, phải trả với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 15 - Phải trả người bán, Công ty có số dư với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khác	4.901.241.891	6.045.743.167
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	1.517.250.000	1.545.750.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	-	6.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Hà (Trại gà)	1.674.360.000	1.674.360.000
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà	1.696.390.000	2.529.509.167
Công ty Cổ phần Tràng An	-	34.500.000
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	-	240.933.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	13.241.891	14.691.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:


	Từ 01/07/2017
	<u>đến 31/12/2017</u>
	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.685.787.270
	<u>1.685.787.270</u>

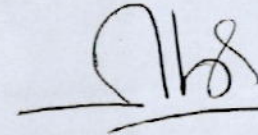
34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số liệu tại ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán. Công ty không trình bày số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 do đây là kỳ đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018


Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng


Trần Hòa Bình
Người lập

PHỤ LỤC: CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

	Năm 2017		
	VND Văn phòng	VND Nhà máy	VND Công ty
Lợi nhuận trước thuế	(865.880.833)	(73.239.275)	(939.120.108)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(22.119.858.975)	-	(22.119.858.975)
Cộng: Chi phí không được trừ	2.946.422.006	-	2.946.422.006
Thù lao HĐQT không chuyên trách	158.400.000	-	158.400.000
Khấu hao TSCĐ dùng sản xuất	1.324.883.652	-	1.324.883.652
Các khoản truy thu, chậm nộp thuế	489.099.055	-	489.099.055
Chi phí bị loại theo kết quả kiểm tra thuế	974.039.299	-	974.039.299
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	25.066.280.981	-	25.066.280.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.066.280.981	-	25.066.280.981
Thu nhập chịu thuế	(22.985.739.808)	(73.239.275)	(23.058.979.083)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-

